

Bản án số: 50/2023/HS-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- TH phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ
Thẩm phán: Bà Điều Thị Bích Lược
Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tàn
Ông Nguyễn Bá Điền
Ông Nguyễn Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Đăng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Cao Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Thị Lan O**; Sinh ngày 06/5/1980, Quê quán: Tiền Hải-T, nơi sinh V- P; Nơi thường trú: Tổ 27A, khu Âu Cơ phường T, tH phố V, tỉnh P; Nơi ở khi bị bắt: Tổ 7, khu B, phường D, tH phố V, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Lê Ngọc T, sinh năm 1954; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị K, sinh năm 1956, hiện đều ở phường T, tH phố V, tỉnh P; Anh chị em: có 03 chị em ruột, bị cáo là lớn nhất; Chồng: Nguyễn Trí T, sinh năm 1980; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012;

- Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh P (có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Phạm Ngọc D** – Luật sư tại Công ty Luật TNHH H - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P; Địa chỉ: Số nhà 01, ngõ 148, phố Minh Lang, phường T, tH phố V, tỉnh P (có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Quang Đ**; Sinh ngày 01/5/1979, tại T- T; Nơi thường trú: Khu 1, phường V, tH phố V, tỉnh P; Nơi ở hiện tại: Khu 7, phường N, tH phố V, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Trần Đ H, sinh năm 1951;

Mẹ đẻ: Hà Thị H, sinh năm 1953, hiện đều ở xã S, huyện T, tỉnh T; Anh chị em: Có 03 chị em ruột, bị cáo là con thứ 3; Vợ: Trần L N, sinh năm 1983; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2018;

- Tiền án, tiền sự: không:

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam (có mặt).

*** Người bị hại:**

1/ Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1981, Chỗ ở: Thôn Du Ngoại, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, tH phố Hà Nội – SĐT 0989998113 (có mặt).

2/ Chị Hán Thị H (tên gọi khác L), sinh năm 1979, trú tại: Khu 1A, phường N, TP V, tỉnh P - SĐT 0976800159 (có mặt).

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Chị Trần L N, sinh năm 1983, HKTT: Khu 1, phường V, tH phố V, tỉnh P. Nơi ở hiện tại: Khu 7, phường N, tH phố V, tỉnh P (có mặt).

2/ Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1956, trú tại: Khu 11, xã An Đ, huyện Phù Ninh, tỉnh P (vắng mặt).

3/ Anh Nguyễn Trí T, sinh năm 1980, trú tại: Tổ 7, khu B, phường D, tH phố V, tỉnh P (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. Đối với H vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Thị Lan O:

Từ khoảng thời gian năm 2019 đến cuối năm 2021, Lê Thị Lan O tham gia môi giới mua bán nhà đất, kinh doanh mua bán hàng hóa. Do không có tiền, O vay lãi của nhiều người để sử dụng vào mục đích kinh doanh. Tuy nhiên, quá trình làm ăn bị thua lỗ dẫn đến việc O mắc nợ tiền của nhiều người và nợ tiền N hàng không trả được. Để có tiền trả nợ, trả lãi cho những người cho vay và chi tiêu cá nhân, O phải vay tiền của người này để trả nợ và trả tiền lãi cho người khác. Đến tháng 12/2021, khi không thể vay được tiền, O nảy sinh ý định lừa những người khác bằng cách rủ họ góp tiền cùng O để đặt cọc mua đất, rồi O chiếm đoạt tiền của họ để sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân. Để đạt được mục đích, O đã đưa ra những thông tin gian dối để họ tin tưởng và chuyển tiền cho O như sau:

O gửi tin nhắn hình ảnh các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tài khoản Zalo có tên "Lan O Lê" được đăng ký mở tài khoản bằng số điện thoại 0916105688 của O, đến tài khoản Zalo có tên "Han Hanh" được đăng ký mở tài khoản bằng số điện thoại 0976800159 của chị Hán Thị H và tài khoản Zalo có tên "Q" được đăng ký mở tài khoản bằng số điện thoại 0989998113 của chị Bùi Thị Q để cho chị H, chị Q xem và bảo chị H, chị Q góp tiền đặt cọc mua những mảnh đất này. O nói dối là mình đang kinh doanh môi giới mua bán nhà đất dưới hình thức: Khi có khách cần mua đất, O sẽ tìm hiểu các thửa đất được giao bán và giới thiệu cho khách cần mua. Khi khách đồng ý mua với giá cao hơn giá chủ đất bán, thì O sẽ đến gặp chủ của thửa đất, thỏa thuận giá tiền mua bán, đồng thời O đặt cọc tiền mua đất. Sau khi đặt cọc xong, O sẽ yêu cầu người mua đất trả tiền, khi người mua đất chuyển tiền trả O, O sẽ trả tiền cho chủ đất và lấy lại phần tiền đã đặt cọc, O ở giữa hưởng phần tiền chênh lệch và tiền hoa hồng của người bán và người mua đất. O hứa trong thời gian từ 15 ngày đến 01 tháng, sau khi bán được đất O sẽ trả tiền gốc và chia tiền hoa hồng cho chị H và chị Q. Chị

H và chị Q tưởng thật nên đã chuyển tiền cho O. Chị H chuyển tiền 02 lần với tổng số tiền 260.000.000đ, chị Q chuyển tiền 09 lần với tổng số tiền 1.315.000.000đ. Sau khi nhận được tiền, O không sử dụng vào việc đặt cọc mua những thửa đất như đã nói với chị H và chị Q và cũng không trả lại tiền cho chị H và chị Q, O đã sử dụng toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt được vào mục đích trả nợ vay, trả lãi và chi tiêu cá nhân hết, cụ thể các lần O lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị H và chị Q như sau:

1. O chiếm đoạt tiền của chị Hán Thị H như sau:

Tháng 12/2021, O đưa ra thông tin gian dối để rủ chị H góp tiền cùng O để đặt cọc mua 02 mảnh đất và chiếm đoạt của chị H tổng số tiền 260.000.000đ, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng giữa tháng 12/2021, mặc dù không đặt cọc mua bán đất, nhưng O vẫn gọi điện, nhắn tin qua Zalo nói với chị H là có mảnh đất ở Phường V - TH phố V - P được giao bán (*O không nói cho chị H biết rõ vị trí, địa chỉ của mảnh đất này*), O bảo chị H góp với O 160.000.000đ để cùng O đặt cọc mua mảnh đất này. O hẹn sau 10 - 20 ngày, khi bán được đất O sẽ chuyển tiền trả cho chị H và chia cho chị H tiền hoa hồng, chị H đồng ý. Ngày 13/12/2021, chị H sử dụng tài khoản N hàng Vietinbank của mình, số tài khoản là 107001517166 chuyển đến số tài khoản 108867815105 (N hàng Vietinbank) của O số tiền 160.000.000đ. O đã chiếm đoạt số tiền này để sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

- Lần 2: Cùng thời gian giữa tháng 12/2021, O tiếp tục rủ chị H góp số tiền 100.000.000đ để cùng O đặt cọc mua mảnh đất diện tích 184,5m², Thửa đất số 1410 - Tờ bản đồ số 32, ở Khu Cửa Rừng - Phường D - TH phố V - P của anh Vũ Duy Bình - SN 1980, trú tại: Tổ 36B - Khu 17 - Phường Gia Cẩm - TH phố V - P (*thửa đất này, O cũng dùng để bảo chị Q góp tiền với O để đặt cọc mua*). Mặc dù O không đặt cọc mua bán mảnh đất này, nhưng để chị H tin tưởng và chuyển tiền cho O, O nói với chị H là có khách đã đến xem mảnh đất này để mua. Đồng thời O gửi ảnh một đôi nam nữ cho chị H xem và giới thiệu hai người này là cán bộ Công an tỉnh P đến xem để mua đất. O hẹn chị H 10 ngày sau sẽ trả tiền gốc và tiền hoa hồng cho chị H sau khi làm xong thủ tục bán đất. Chị H đồng ý và ngày 14/12/2021, chị H chuyển từ số tài khoản 107001517166 của mình đến số tài khoản 108867815105 (N hàng Vietinbank) của O số tiền 100.000.000đ. O đã chiếm đoạt số tiền này để sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

2. O chiếm đoạt tiền của chị Bùi Thị Q như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến ngày 12/5/2022, O đưa ra thông tin gian dối để lừa chị Q góp tiền đặt cọc mua 09 thửa đất, chị Q tưởng thật nên đã đồng ý và chuyển tiền số tài khoản 19027651687019 (N hàng Techcombank) của mình đến tài khoản của O 09 lần với tổng số tiền là 1.315.000.000đ như sau:

- Lần 1: Giữa tháng 3/2022, O gọi điện lừa chị Q góp 40.000.000đ để đặt cọc mua một thửa đất ở TH phố V (*O không nói cho chị Q biết rõ vị trí, địa chỉ của mảnh đất này*), O hứa sẽ chia cho chị Q 10.000.000đ tiền hoa hồng. Vì là bạn học và chơi thân với nhau, nên chị Q tin tưởng và đồng ý. Ngày 15/3/2022,

chị Q chuyển đến số tài khoản 19033281608017 (N hàng Techcombank) của O, số tiền 40.000.000đ

- Lần 2: Cùng thời gian giữa tháng 3/2022, O tiếp tục gọi điện lừa chị Q góp 100.000.000đ cùng O đặt cọc mua thửa đất số 566A - Tờ bản đồ số 35, tại địa chỉ: Khu Nhà Ngoan - xã Tiên Kiên - huyện Lâm Thao - P, để bán cho chị Tống Thị Tuyết - SN: 1970, trú tại: phường T - TH phố V - P. Bản thân O không đặt cọc mua bán mảnh đất này, nhưng O vẫn gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này qua tin nhắn hình ảnh trên Zalo cho chị Q xem, để chị Q tưởng thật và đồng ý. Ngày 22/3/2022 chị Q đã chuyển đến số tài khoản 19033281608017 của O, số tiền 100.000.000đ.

- Lần 3: Cùng thời gian giữa tháng 3/2022, O tiếp tục gọi điện lừa chị Q góp 95.000.000đ cùng O đặt cọc mua 02 thửa đất ở Phường T - TH phố V - P, để bán cho người quen của O tên là Phương. Để tạo sự tin tưởng cho chị Q, O đã nhắn tin hình ảnh tin nhắn trao đổi việc mua bán đất giữa O với một người có tên là Phương cho chị Q xem. Khi chị Q đến chơi, O đã đưa chị Q đi đến dải đất trống bên đường Ngọc Loan (cạnh bờ hồ Văn Lang) ở Phường Thọ Sơn - TH phố V - P, chỉ cho chị Q xem bãi đất này và nói là hai mảnh đất O đặt cọc mua để bán cho anh Phương (*mặc dù O không đặt cọc mua bán mảnh đất này*). Vì vậy chị Q tưởng thật và đồng ý, ngày 23/3/2022 chị Q đã chuyển đến số tài khoản 19033281608017 của O, số tiền 95.000.000đ.

- Lần 4: Khoảng cuối tháng 3/2022, O tiếp tục gọi điện lừa chị Q góp 310.000.000đ cùng O đặt cọc mua thửa đất số 1410 - Tờ bản đồ số 32 - diện tích 184,5m², tại địa chỉ: Khu Cửa Rừng - Phường D - TH phố V - P, để bán cho anh Đ, là cán bộ Công an tỉnh P. Để chị Q tin tưởng, O gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này qua tin nhắn Zalo cho chị Q xem cùng hình ảnh một đôi nam nữ, O giới thiệu là vợ chồng anh Đ (*Hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất và hình ảnh đôi nam nữ này, O đã sử dụng để gửi cho chị H, để lừa chị H góp 100.000.000đ đặt cọc mua đất như nêu trên*) và hẹn đến ngày 05/4/2022 O sẽ trả lại tiền gốc và tiền hoa hồng, nên chị Q đồng ý. Ngày 30/3/2022 chị Q đã đến số tài khoản 19033281608017 của O, số tiền 310.000.000đ.

- Lần 5: Khoảng đầu tháng 4/2022, O tiếp tục gọi điện lừa chị Q góp 200.000.000đ để cùng O đặt cọc mua mảnh đất có số thửa đất là 970, ở khu vực gần bờ hồ Văn Lang thuộc Phường T - TH phố V - P. Để tạo lòng tin cho chị Q, O gọi video trực tiếp qua Zalo cho chị Q xem thửa đất trống ở gần bờ hồ Văn Lang, nên chị Q tưởng thật và đồng ý. Ngày 04/4/2022 chị Q đã chuyển đến số tài khoản 19033281608017 của O, số tiền 200.000.000đ.

- Lần 6: Khoảng cuối tháng 4/2022, O tiếp tục gọi điện lừa chị Q góp 50.000.000đ để cùng O đặt cọc mua một thửa đất ở TH phố V cùng một người có tên là Hà, là bạn của O (*O không nói cho chị Q biết rõ vị trí, địa chỉ của mảnh đất này*), O hẹn đến ngày 12/5/2022 sẽ chuyển trả lại tiền gốc và tiền hoa hồng, nên chị Q tưởng thật và đồng ý. Ngày 28/4/2022 chị Q đã chuyển đến số tài khoản 42110000108683 (N hàng BIDV) của O, số tiền 50.000.000đ.

- Lần 7: Cùng thời gian này, O tiếp tục gọi điện lừa chị Q góp số tiền 70.000.000đ để O đặt cọc mua thửa đất số 340 - Tờ bản đồ số 30, ở địa chỉ: Khu

10 - xã Phù Ninh - huyện Phù Ninh - P. Đề chị Q tin tưởng, O gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này qua tin nhắn hình ảnh trên Zalo cho chị Q xem và hẹn sau 15 ngày sẽ trả lại tiền gốc và tiền hoa hồng cho chị Q, nên chị Q đồng ý. Ngày 28/4/2022, chị Q đã chuyển đến số tài khoản 42110000108683 của O, số tiền 70.000.000đ.

- Lần 8: Khoảng đầu tháng 5/2022, O tiếp tục gọi điện lừa chị Q góp số tiền 300.000.000đ, để O đặt cọc mua thửa đất số 144 - Tờ bản đồ số 40 - diện tích 81,6m², ở địa chỉ: Khu Thọ Mai - Phường T - TH phố V - P. Đề chị Q tin tưởng, O gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua tin nhắn hình ảnh Zalo cho chị Q xem và hẹn đến tháng 7/2022 sẽ trả lại tiền gốc và tiền hoa hồng, chị Q đồng ý. Ngày 09/5/2022, chị Q chuyển đến số tài khoản 19033281608017 của O, số tiền 300.000.000đ.

- Lần 9: Sau đó, O tiếp tục gọi điện lừa chị Q góp 180.000.000đ để O đặt cọc mua thửa đất số 651 - Tờ bản đồ số 33 - diện tích rộng 112m², tại địa chỉ: Khu B - Phường D- TH phố V - P. Bản thân O không tham gia việc chuyển nhượng đất, cũng như không đặt cọc mua mảnh đất này, để chị Q tin tưởng, O gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này qua tin nhắn hình ảnh Zalo cho chị Q xem và hẹn chị Q đến ngày 12/6/2022 sẽ trả lại tiền gốc và tiền hoa hồng. Đồng thời O nói với chị Q những lần chị Q góp tiền cùng O đặt cọc mua đất trước đây, O đã thu được tiền lãi và chia cho chị Q 60.000.000đ, O sẽ chuyển trước cho chị Q 30.000.000đ, còn 30.000.000đ O giữ lại để tiếp tục đặt cọc mua mảnh đất này, nên chị Q chỉ phải chuyển cho O 150.000.000đ", chị Q đồng ý. Do vậy, ngày 12/5/2022 chị Q chuyển đến số tài khoản 19033281608017 của O, số tiền 150.000.000đ. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, O lại dùng chính số tiền này chuyển lại cho chị Q 30.000.000đ, để chị Q tin tưởng việc góp tiền cùng O đặt cọc mua bán đất là có lãi.

Còn lại toàn bộ số tiền 1.285.000.000đ, O không đặt cọc mua đất như đã nói với chị Q, O dùng số tiền này để trả nợ, trả lãi và chi tiêu hết cho bản thân.

Tổng số tiền O đã chiếm đoạt của chị H và chị Q là 1.575.000.000đ, số tiền này O đã sử dụng hết vào việc trả nợ, trả lãi cho nhiều người và chi tiêu cá nhân.

Cơ quan điều tra đã xác định được nguồn gốc hình ảnh 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất O đã sử dụng để nhắn tin cho chị H và chị Q như nêu trên và đã làm việc với những người đứng tên chủ sở hữu và những người có liên quan đến việc chuyển nhượng những thửa đất trên, những người này đều khẳng định không quen biết O và không có giao dịch, đặt cọc hay mua bán đất với O.

Đối với anh Nguyễn Trí T là của chồng O đã để O chuyển tiền từ tài khoản N hàng của O đến các tài khoản số 2700205137597 (N hàng Agribank) và tài khoản số 42810000799916 (N hàng BIDV) của anh T, Sau đó O đã rút hết số tiền này và chi tiêu cá nhân hết. Bản thân anh T không biết gì về việc chuyển, rút tiền này của O do O là người sử dụng tài khoản ATM của anh T nên không đề cập xử lý.

Tại cơ quan điều tra, bị can Lê Thị Lan O đã khai nhận H vi phạm tội của bản thân. Lời khai của O phù hợp với lời khai người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được. H vi trên của Lê Thị Lan O đủ yếu tố cấu tH tội

phạm: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự Nước CHXHCN Việt Nam.

II. Đối với nội dung tố cáo của chị Trần L N và H vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Trần Quang Đ, quá trình điều tra vụ án xác định:

1. Trong khoảng thời gian từ ngày 11/9/2021 đến ngày 19/11/2021, Trần Quang Đ (là chồng của chị Trần L N) đã cho O vay tiền 07 lần với tổng số tiền 830.000.000đ. Trong đó, lần thứ nhất O hỏi vay tiền của Đ vào ngày 11/9/2021, để đề phòng việc O vay tiền không trả, Đ đã bảo chị N đi đến nhà O, cho O ký không vào một tờ Giấy vay tiền, được in mẫu sẵn, sau đó Đ chuyển tiền cho O vay qua tài khoản N hàng. Ngoài ra, Đ còn cho O vay tiền những lần sau, nhưng Đ không nói cho chị N biết. Tất cả những lần cho O vay tiền, Đ đều chuyển tiền cho O vay qua tài khoản N hàng. Sau khi O không trả được tiền, Đ mới nói cho chị N biết việc O vay tiền không trả. Vì vậy chị N đã viết vào Giấy vay tiền đã được O ký sẵn với nội dung: "Ngày 09/5/2022, O vay của chị Trần L N số tiền 400.000.000đ" với mục đích để buộc O phải trả tiền. Do O không trả tiền nên ngày 05/7/2022, chị N chỉ biết việc Đ có cho O vay tiền mà không biết Đ cho vay lãi với số tiền cụ thể là bao nhiêu, vì vậy chị N đã giao nộp giấy vay tiền và tố cáo O có H vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.230.000.000đ. Quá trình điều tra, bị can O cũng tố giác Trần Quang Đ, sinh năm 1979, trú tại: Phường V - TH phố V - P có H vi cho O vay lãi nặng.

2. *Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến H điều tra và xác định Trần Quang Đ đã có H vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như sau:* Trong khoảng thời gian từ ngày 11/9/2021 đến ngày 19/11/2021, Trần Quang Đ cho Lê Thị Lan O vay tiền 07 lần với tổng số tiền 830.000.000đ, với lãi suất từ 2.000đ/01 triệu đồng/ngày đến 8.000đ/01 triệu đồng/ngày. Tổng số tiền lãi O phải trả là 743.100.000đ. Trong đó, O đã trả cho Đ 594.980.000đ tiền lãi, còn nợ lại 148.120.000đ, cụ thể:

2.1. *Đối với 04 khoản vay với lãi suất 2.000đ/1.000.000đ/ngày. Tính đến ngày 15/5/2022, tổng số tiền lãi O phải trả cho Đ là 165.600.000đ, O đã trả cho Đ 93.980.000đ, còn nợ lại 71.520.000đ, trong đó:*

- Lần 1: Ngày 11/9/2021, O gọi điện hỏi vay 100.000.000đ để làm ăn, Đ đồng ý cho O vay với lãi suất 2.000đ/01 triệu đồng/ngày. Sau đó Đ chuyển từ số tài khoản 0916161666 (N hàng MB) của Đ, đến số tài khoản 19033281608017 (N hàng Techcombank) của O, cho O vay 100.000.000đ, Đ và O thỏa thuận thời gian trả tiền lãi của khoản vay này đến tháng 5/2022, một tháng O phải trả lãi cho Đ một lần với số tiền lãi là 6.000.000đ, tiền trả lãi sẽ T toán vào ngày 11 hàng tháng thông qua tài khoản N hàng. Tổng số tiền lãi O phải trả đối với khoản vay này, tính đến ngày 11/5/2022 là: 48.000.000đ.

- Lần 2: Ngày 04/10/2021, O tiếp tục gọi điện hỏi vay 100.000.000đ, Đ đồng ý cho O vay với lãi suất 2.000đ/01 triệu đồng/ngày. Sau đó Đ chuyển tiền hai lần từ số tài khoản 0916161666 (N hàng NamABank) của Đ, đến số tài khoản 19033281608017 của O, cho O vay 100.000.000đ, Đ và O thỏa thuận thời gian trả tiền lãi đối với khoản vay này đến tháng 5/2022, một tháng O phải trả lãi cho Đ một lần với số tiền lãi là 6.000.000đ, tiền trả lãi sẽ T toán vào ngày 04

hàng tháng thông qua tài khoản N hàng. Tổng số tiền lãi O phải trả đối với khoản vay này, tính đến ngày 04/5/2022 là: 42.000.000đ.

- Lần 3: Ngày 14/10/2021, O tiếp tục gọi điện cho Đ hỏi vay 110.000.000đ, Đ đồng ý cho O vay với lãi suất 2.000đ/01 triệu đồng/ngày. Sau đó Đ chuyển tiền hai lần từ số tài khoản 0916161666 (N hàng NamABank) của Đ đến số tài khoản 19033281608017 của O, cho O vay 110.000.000đ, Đ và O thoả thuận thời gian trả tiền lãi đối với khoản vay này đến tháng 5/2022, một tháng O phải trả lãi cho Đ một lần với số tiền lãi là 6.600.000đ, tiền trả lãi sẽ T toán vào ngày 14 hàng tháng thông qua tài khoản N hàng. Tổng số tiền lãi O phải trả đối với khoản vay này, tính đến ngày 14/5/2022 là: 46.200.000đ.

- Lần 4: Ngày 18/10/2021, O tiếp tục gọi điện cho Đ hỏi vay 70.000.000đ, Đ đồng ý cho O vay với lãi suất 2.000đ/01 triệu đồng/ngày. Sau đó Đ chuyển tiền từ số tài khoản 0916161666 (N hàng NamABank) của Đ đến số tài khoản 19033281608017 của O, cho O vay 70.000.000đ, Đ và O thoả thuận thời gian trả tiền lãi đối với khoản vay này đến tháng 5/2022, một tháng O phải trả lãi cho Đ một lần với số tiền lãi là 4.200.000đ, tiền trả lãi sẽ T toán vào ngày 18 hàng tháng thông qua tài khoản N hàng. Tổng số tiền lãi O phải trả đối với khoản vay này, tính đến ngày 18/5/2022 là: 29.400.000đ.

2.2. Đối với những khoản vay với lãi suất từ 6.000đ/1.000.000đ/ngày đến 8.000đ/01 triệu đồng/ngày. Tính đến ngày 15/5/2022, tổng số tiền lãi O phải trả cho Đ là 577.500.000đ, O đã trả cho Đ 501.000.000đ tiền lãi vào tài khoản N hàng của Đ, còn nợ lại 76.500.000đ, cụ thể như sau:

- Lần 5: Ngày 04/11/2021, O gọi điện hỏi vay 150.000.000đ, Đ đồng ý cho O vay với lãi suất 7.500đ/01 triệu đồng/ngày. Sau đó Đ chuyển tiền từ số tài khoản 0916161666 (N hàng MB) của Đ đến số tài khoản 19033281608017 của O, cho O vay 150.000.000đ, Đ và O thoả thuận thời gian trả tiền lãi đến tháng 5/2022.

- Lần 6: Ngày 08/11/2021, O tiếp tục gọi điện hỏi vay 50.000.000đ, Đ đồng ý cho O vay với lãi suất 7.500đ/01 triệu đồng/ngày. Sau đó Đ chuyển tiền từ số tài khoản 0916161666 (N hàng NamABank) của Đ đến số tài khoản 19033281608017 của O, cho O vay 50.000.000đ. Do O còn nợ số tiền 150.000.000đ đã vay ở trên, nên Đ và O thống nhất gộp hai khoản vay 150.000.000đ và 50.000.000đ thành một khoản vay 200.000.000đ vẫn với lãi suất là 7.500đ/01 triệu đồng/ngày, thời gian trả tiền lãi đối với khoản vay này đến tháng 5/2022, thời gian trả lãi tính từ ngày 08/11/2021, một tuần O phải trả lãi một lần với số tiền lãi là 10.500.000đ. Tính đến ngày 15/5/2022, O phải trả cho Đ tổng số tiền lãi là 288.000.000đ.

- Lần 7: Ngày 19/11/2021, O gọi điện hỏi vay 250.000.000đ, Đ đồng ý cho O vay với lãi suất là 8.000đ/01 triệu đồng/ngày. Sau đó Đ chuyển tiền từ số tài khoản 0916161666 (N hàng MB) của Đ đến số tài khoản 19033281608017 của O, cho O vay 250.000.000đ. Đ và O thống nhất thời gian trả tiền lãi đối với khoản vay này đến tháng 5/2022, một tuần O phải trả lãi một lần với số tiền lãi là 14.000.000đ.

Đến đầu tháng 01/2022, O đề nghị Đ giảm bớt lãi suất cho O đối với khoản vay 250.000.000đ, nên Đ đã giảm bớt lãi suất cho O xuống còn 6.000đ/01 triệu

đồng/ngày, thời gian tính tiền lãi từ ngày 03/01/2022 và một tuần O phải trả lãi cho Đ một lần với số tiền 10.500.000đ. Tính đến ngày 15/5/2022, O phải trả cho Đ tổng số tiền lãi là 289.500.000đ.

* Việc O trả tiền lãi và việc Trần Quang Đ thu lời bất chính như sau:

Quá trình điều tra xác định; Do O vay tiền của Đ nhiều lần với mức lãi suất khác nhau và trả tiền lãi nhiều lần của các khoản vay; quá trình trả lãi O luôn trả lãi chậm và nợ tiền lãi, số tiền trả lãi từng lần luôn không đúng với số tiền lãi phải trả theo thời gian thoả thuận (*lần trả lãi thiếu, lần trả lãi thừa để bù vào những lần trả lãi thiếu*), nên cả O và Đ đều không xác định được cụ thể tất cả các lần trả lãi thì lần trả lãi nào là trả lãi cho khoản vay nào. Sau khi O và Đ đối soát trên các tài khoản N hàng của cả hai người và các tài liệu khác đã xác định: Tính đến ngày 15/5/2022, theo thoả thuận O phải trả tiền lãi của tất cả các khoản vay với tổng số tiền là 743.100.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì Đ chỉ được thu của O tiền lãi tối đa của tất cả các khoản vay là 92.057.397đ. Như vậy Đ thu tiền lãi vượt quy định tổng số tiền: 651.042.603đ. Do O mới trả cho Đ tổng số tiền lãi của tất cả các khoản vay là 594.980.000đ, O còn nợ 148.120.000đ tiền lãi, nên số tiền thu lời bất chính thực tế Đ đã nhận được là 502.922.603đ, cụ thể việc Đ thu lời bất chính như sau:

- Đối với 04 khoản tiền ở các lần 1,2,3,4 (tổng số là 380.000.000đ) Đ cho O vay với lãi suất 2.000đ/01 triệu đồng/ngày, tính đến ngày 15/5/2022, tổng số tiền lãi O phải trả cho Đ là 165.500.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự Đ chỉ được thu của O tiền lãi tối đa bằng 20%/năm với tổng số tiền là 46.000.920đ, Đ thu tiền lãi vượt quy định tổng số tiền: 119.599.080đ, Đ đã thu vượt quy định 3,6 lần. Tuy nhiên, O mới trả cho Đ 93.980.000đ tiền lãi, còn nợ lại 71.500.000đ. Nên số tiền thu lời bất chính thực tế Đ nhận được là: 47.979.080đ. Các lần vay này do lãi suất gấp 3,6 lần so với lãi suất tối đa được quy định trong Bộ luật dân sự nên không cấu tH tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Đối với khoản vay của lần 5 + lần 6 với tổng số tiền là 200.000.000đ với lãi suất 7.500đ/01 triệu đồng/ngày (~ 270%/01 năm). trong thời gian từ ngày 04/11/2021 đến ngày 15/5/2022. Tổng số tiền lãi O phải trả cho Đ là 288.000.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì Đ chỉ được thu của O tiền lãi tối đa là 20%/năm tương đương 21.333.760đ, như vậy Đ đã thu vượt lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự gấp 13,5 lần, thu lời bất chính (*thu tiền lãi vượt quy định*) tổng số tiền: 266.666.240đ, (Cấu tH)

- Đối với khoản vay lần 7 là 250.000.000đ với lãi suất từ 6.000đ/01 triệu đồng/01 ngày đến 8.000đ/ 01 triệu đồng/ngày (~216% đến 288%/01 năm) trong thời gian từ ngày 19/11/2021 đến ngày 15/5/2022 Tổng số tiền lãi O phải trả cho Đ là 289.500.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự Đ chỉ được thu của O tiền lãi tối đa 20%/năm = 24.722.717đ, như vậy Đ đã thu vượt lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự gấp từ 10,8 lần đến 14,4 lần, thu lời bất chính tổng số tiền: 264.777.283đ (Cấu tH)

Tổng cộng, số tiền lãi O phải trả cho Đ đối với hai khoản vay 200.000.000đ và 250.000.000đ là: 577.500.000đ, sau khi trừ đi số tiền lãi bằng 20% là 46.056.477 thì xác định tiền Trần Quang Đ nhằm thu lợi là 531.443.523đ. O đã trả tiền lãi cho Đ là 502.000.000đ tiền lãi, trừ đi tiền số tiền lãi tương ứng với

mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Nên thực tế Đ đã thu lợi bất chính được tổng số tiền là: 454.943.523đ.

Tại cơ quan điều tra, bị can Trần Quang Đ đã thừa nhận H vi phạm tội của mình như trên. Lời khai của Trần Quang Đ phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được. H vi trên của Trần Quang Đ đủ yếu tố cấu tH tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Cáo trạng số 53/CT-VKSPT-P2 ngày 30/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P truy tố bị cáo Lê Thị Lan O về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Truy tố Trần Quang Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 174 BLHS tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên:”

Điều 201 BLHS tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gộp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm H chính về H vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Tại phiên tòa các bị cáo tH khẩn khai báo, thừa nhận H vi như bản cáo trạng đã nêu, thể hiện thái độ ăn năn hối cải.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Lê Thị Lan O từ 13 đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Buộc bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 BLHS.

Xử phạt: Trần Quang Đ từ 250 triệu đến 300 triệu đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Tịch thu và xử lý các khoản tiền liên quan đến cho vay nặng lãi và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị Lan O không tranh luận về tội danh, điều khoản áp dụng. Đề nghị HĐXX xem xét về nhân thân, thân nhân, điều kiện hoàn cảnh cụ thể của bị cáo để giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Phân tích chứng cứ:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 5 năm 2022, Lê Thị Lan O với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác nên đã đưa ra các thông tin không có thật về việc giao dịch đặt cọc mua bán đất, bằng cách thức trên bị cáo đã 02 lần thực hiện H vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Hán Thị H với tổng số tiền là 260.000.000 VNĐ và 09 lần thực hiện H vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Bùi Thị Q với tổng số tiền là 1.315.000.000 VNĐ. Tổng số tiền Lê Thị Lan O đã chiếm đoạt của hai người bị hại là 1.575.000.000đ.

Trong thời gian từ tháng 04/11/2021 đến tháng 15/5/2022, Trần Quang Đ đã hai lần cho Lê Thị Lan O vay tổng số tiền là 450.000.000đ với lãi suất từ 6.000đ/1 triệu/1 ngày đến 8.000đ/1 triệu/1 ngày, nhằm thu lợi bất chính là 531.443.523đ. Thực tế O đã trả cho Trần Quang Đ tổng số tiền lãi là 501.000.000.000đ. Trong đó: Số tiền lãi tối đa theo quy định của BLDS (20%/năm) là 46.056.477đ. Số tiền thu lời bất chính thực tế đã nhận là 454.943.523đ.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, thông tin chuyển tiền, các sổ sách theo dõi và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P truy tố các bị cáo là đúng pháp luật.

Về động cơ, mục đích, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc phạm tội: Để có tiền trả nợ và sử dụng cho mục đích cá nhân nên Lê Thị Lan O đã nghĩ ra cách đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Hán Thị H và chị Bùi Thị Q để lấy tiền sử dụng mục đích cá nhân. Trần Quang Đ vì ham lợi nhuận nên đã cho Lê Thị Lan O vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính.

Trần Quang Đ cho người khác vay tiền với lãi suất cao gấp từ 10,8 lần đến 14,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lời bất chính số tiền 454.943.523 VNĐ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, do đó cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật.

Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng vì bị cáo chiếm đoạt số tài sản lớn, từ động cơ cá nhân bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội.

Đối với Lê Thị Lan O:

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu trách nhiệm tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên.

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã tH khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Anh Nguyễn Trí T là chồng của bị cáo nộp thay số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả và các giấy tờ chứng minh bà nội bị cáo là liệt sỹ và là người có công với cách mạng trước năm 1945, ông nội cũng là người có công với cách mạng trước năm 1945 (có bằng công nhận) nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ.

Bị cáo không có tài sản gì riêng có giá trị ngoài những đồ dùng sinh hoạt thiết yếu nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Trần Quang Đ:

H vi của Trần Quang Đ cho người khác vay tiền với lãi suất từ 6.000đ/1 triệu/1 ngày đến 8.000đ/1 triệu/1 ngày, của các lần như trên đã cao gấp từ 10,8 lần đến 14,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lời bất chính số tiền 454.943.523 VNĐ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, do đó cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật.

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu trách nhiệm tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên.

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã tH khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có bố đẻ là ông Trần Đ Huệ là thương binh, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; Huân chương chiến công giải phóng và Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba, vì đã có tH tích chiến đấu trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Bố vợ là ông Trần Đình Hạnh là thương binh hạng 3/4, được tặng thưởng: Huân chương kháng chiến hạng ba; Mẹ vợ là bà Đinh Thị Sách được tặng thưởng: Huân chương chiến công hạng ba, đã tự nguyện nộp số tiền 30.200.000 đồng để khắc phục tiền thu lợi bất chính nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ. Bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi nên phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ nghiêm khắc.

Về điều kiện kinh tế: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra xác định, các bị cáo sống cùng người thân, ngoài đồ dùng sinh hoạt cá nhân không có tài sản riêng nào khác có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Đối với nội dung tố cáo của ông Lê Hữu Đ, quá trình điều tra xác định:

Bản thân O có mối quan hệ quen biết với ông Lê Hữu Đ, trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến ngày 15/02/2022, O đã vay tiền của ông Đ nhiều lần và đã trả tiền đầy đủ. Ngày 16/02/2022, O gọi điện cho ông Đ hỏi vay 900.000.000đ, vì tin tưởng O, ông Đ đồng ý và có thu tiền lãi. Ông Đ yêu cầu O nhắn tin SMS đến điện thoại của ông Đ xác nhận nội dung: "Ngày 16/02/2022, e Lê Lan O vay a Lê Hữu Đ 900 triệu đồng", thay cho việc viết Giấy vay tiền. Sau khi O nhắn tin nội dung này, ông Đ nhờ em dâu là Nguyễn Thị Kim Hoa - SN: 1964, trú tại: Khu 10 - xã Phù Ninh - huyện Phù Ninh - P, chuyển 900.000.000đ đến số tài khoản 42110000108683 của O. Sau đó bà Hoa đã bảo cháu gái là Lê Thị Trang chuyển số tiền này đến tài khoản của O, theo như nội dung ông Đ dặn.

Tại cơ quan điều tra O khai: Ông Đ cho O vay số tiền 900.000.000đ trên với lãi suất 10.000.000đ/03ngày và 03 ngày O phải trả lãi cho ông Đ một lần. Sau nhiều lần trả lãi, O thấy lãi suất quá cao, không có khả năng chi trả, nên O đề nghị ông Đ giảm bớt tiền lãi cho O. Ông Đ đã đồng ý giảm lãi suất cho O xuống còn 8.000.000đ/03 ngày, đến nay O đã trả cho ông Đ tổng số 80.000.000đ tiền lãi.

Cơ quan điều tra đã triệu tập làm việc đối với ông Lê Hữu Đ, quá trình làm việc ông Đ không thừa nhận việc cho O vay với lãi suất như trên. Ông Đ chỉ thừa nhận cho O vay 900.000.000đ với lãi suất 14%/năm, đến nay O chưa trả cho ông Đ ít tiền lãi nào. Còn số tiền 80.000.000đ O đã chuyển cho ông Đ qua tài khoản N hàng, là tiền O trả nợ cho ông Đ đối với khoản tiền 250.000.000đ mà O vay của ông Đ trước đó, nhưng vẫn chưa trả hết.

Cơ quan điều tra xác định: Việc O vay tiền có sự thoả thuận vay lãi giữa ông Đ và O, bị cáo không đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền này. Vì vậy việc O vay tiền của ông Đ là giao dịch dân sự, không có căn cứ chứng minh O có H vi chiếm đoạt số tiền này của ông Đ. Đối với việc O khai đã vay 900.000.000 VNĐ và chịu lãi suất 10.000.000đ/03ngày, đã trả lãi cho ông Đ được 80.000.000VNĐ, Tuy nhiên ông Đ chỉ thừa nhận cho O vay với lãi suất 14%/năm, cơ quan điều tra đã tiến H đối chất nhưng cả ông Đ và bị can O vẫn giữ nguyên lời khai, Cơ quan điều tra không có căn cứ nào khác để chứng minh việc ông Đ cho H vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nên chưa có đủ căn cứ để xử lý về hình sự.

[2]. Trách nhiệm dân sự:

Khoản tiền Lê Thị Lan O chiếm đoạt của bị hại thì phải có nghĩa vụ hoàn trả, cụ thể bị cáo Lê Thị Lan O phải có nghĩa vụ trả cho chị Hán Thị H 260.000.000 VNĐ và chị Bùi Thị Q là 1.315.000.000 VNĐ . Tổng số tiền Lê Thị Lan O đã chiếm đoạt của hai người bị hại là 1.575.000.000đ.

Đối với các khoản tiền liên quan đến cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì xử lý như sau:

+ Áp dụng Nghị quyết số: 01/2021/NQ - HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Buộc bị cáo Đ phải nộp vào N sách Nhà nước số tiền dùng để cho vay là 450.000.000 đồng và khoản tiền lãi cho phép theo quy định là 46.056.477 đồng. Số tiền dùng để cho vay là 450.000.000 đồng hiện Lê Thị Lan O chưa trả cho Trần Quang Đ nên bị cáo Lê Thị Lan O phải nộp số tiền này.

+ Áp dụng Điều 9 Nghị quyết: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Công văn hướng dẫn số: 212/TANDTC-PC, ngày 13-9-2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Buộc bị cáo Đ có trách nhiệm hoàn trả lại khoản tiền thu lợi bất chính cho người vay tiền là Lê Thị Lan O với số tiền là 454.943.523 đồng.

Bị cáo Đ xuất trình Biên lai thu tiền số AA/2020/0000495 ngày 30/5/2023 của Cục thi H án dân sự tỉnh P số tiền 30.200.000 đồng để nộp N sách do vậy cần đối trừ.

Chồng bị cáo O xuất trình Biên lai thu tiền số AA/2020/0000404 ngày 21/6/2023 của Cục thi H án dân sự tỉnh P số tiền 10.000.000 đồng, cần xác nhận để bồi thường cho bị hại.

Đối với các giao dịch dân sự giữa bị cáo Đ và bị cáo O, giữa bị cáo O và ông Lê Hữu Đ không thuộc phạm vi xét xử trong vụ án hình sự này nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện theo trình tự tố tụng dân sự.

[3]. Xử lý vật chứng:

* *Thu giữ của chị Trần L N:* Hai bản sao kê tài khoản N hàng MB và N hàng Nam Á Bank, chủ tài khoản mang tên: Trần Quang Đ; 07 bản in hình ảnh nhắn tin trên Zalo, thể hiện nội dung trao đổi việc vay tiền giữa O và Đ, có chữ ký xác nhận của chị N; 01 Giấy vay tiền (bản pho to) thể hiện nội dung: Ngày 09/5/2022, O có vay của vợ chồng chị Trần L N và Trần Quang Đ số tiền 400.000.000đ, có chữ ký xác nhận của chị N.

* *Thu giữ của chị Bùi Thị Q:* Ba tờ sao kê tài khoản N hàng Techcombank (bản gốc) - số tài khoản 19027651687019, chủ tài khoản mang tên: Bùi Thị Q; 11 bản in hình ảnh nhắn tin Zalo có chứa nội dung hình ảnh các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nội dung trao đổi việc đặt cọc mua đất giữa O và chị Q, có chữ ký xác nhận của chị Q; 180 bản in hình ảnh nhắn tin Zalo có chứa nội dung hình ảnh các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nội dung trao đổi việc đặt cọc mua đất giữa O và chị Q, có chữ ký xác nhận của chị Q.

* *Thu giữ của chị Hán Thị H:* 10 bản in hình ảnh nhắn tin trên Zalo có chữ ký xác nhận của chị H; 01 bản sao kê tài khoản N hàng Vietinbank, chủ tài khoản: Hán Thị H

* *Thu giữ của ông Lê Hữu Đ:* 01 bản in hình ảnh tin nhắn tin có nội dung: "Ngày 16/02/2022, e Lê Lan O vay a Lê Hữu Đ 900 triệu đồng".

* *Thu giữ của Lê Thị Lan O:* 134 tờ sao kê tài khoản N hàng (bản phô tô) có chữ ký xác nhận của O; 01 bản in hình ảnh nhắn tin Zalo có chứa nhiều nội dung: Hình ảnh tin nhắn chốt tiền lãi của Đ nhắn tin cho O vào các ngày 04/12/2021, 19/12/2021, 17/4/2022 và 02/5/2022 hình ảnh O chuyển tiền cho Đ, có chữ ký xác nhận của O; Một thẻ sim điện thoại Vinaphone có số thuê bao: 0916105688, trên một mặt của thẻ sim có các dãy số: 898402000 và 10935173427.

Số vật chứng, tài liệu, đồ vật trên được lưu trong hồ sơ vụ án, nay tiếp tục lưu hồ sơ.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với các bị cáo phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo phù hợp với pháp luật, thể hiện quan điểm nhân Đ nên được chấp nhận.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7]. Đánh giá tính hợp pháp của các H vi, quyết định tố tụng: Các H vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về H vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến H tố

tụng, người tiến H tổ tụng. Do đó, các H vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến H tổ tụng, người tiến H tổ tụng thực hiện là hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[I] Về hình phạt chính:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS.

Xử phạt: **Lê Thị Lan O** 13 năm tù (mười ba năm tù) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 10/9/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi H án.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 BLHS.

Xử phạt: **Trần Quang Đ** 250.000.000 triệu đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[II] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Lê Thị Lan O phải bồi thường cho chị Hán Thị H số tiền là 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng), bồi thường cho chị Bùi Thị Q số tiền là 1.285.000.000 đồng (một tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) (do đã trả cho Q 30 triệu). Xác nhận đã nộp 10.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2020/0000404 ngày 21/6/2023 của Cục thi H án dân sự tỉnh P, còn lại phải bồi thường tổng số là 1.535.000.000 đồng (*một tỷ, năm trăm, ba mươi lăm triệu*).

Buộc Lê Thị Lan O nộp lại số tiền 450.000.000 đồng (*bốn trăm năm mươi triệu đồng*) đã vay của Trần Quang Đ vào N sách nhà nước.

Trần Quang Đ có trách nhiệm hoàn trả cho Lê Thị Lan O số tiền là 454.943.523 đồng (*bốn trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm hai mươi ba đồng*).

Buộc Trần Quang Đ phải nộp khoản tiền dùng để cho vay là 450.000.000 đồng (*bốn trăm năm mươi triệu đồng*) (do bị cáo O đang giữ nên bị cáo O thực hiện nộp khoản tiền này) và tiền lãi = 20% là 46.056.477 đồng vào N sách nhà nước được trừ vào số tiền 30.200.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0000495 ngày 30/5/2023 của Cục thi H án dân sự tỉnh P). Còn phải nộp là 15.856.477 đồng (*mười lăm triệu, tám trăm năm mươi sáu ngàn, bốn trăm bảy mươi bảy đồng*).

Số tiền theo các biên lai: Biên lai thu tiền số AA/2020/0000495 ngày 30/5/2023; Biên lai thu tiền số AA/2020/0000404 ngày 21/6/2023 của Cục thi H án dân sự tỉnh P được tạm giữ để bảo đảm thi H án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi H án có quyền chủ động ra quyết định thi H án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi H án của người được thi H án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi H án) cho đến khi thi H án xong, bên phải thi H án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi H án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi H theo quy định tại Điều 2 Luật thi H án dân sự, người được thi H án dân sự, người phải thi H án dân sự có quyền thoả thuận thi H án, quyền yêu cầu thi H án, tự nguyện thi H án hoặc bị cưỡng chế thi H án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi H án dân sự; thời hiệu thi H án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H án dân sự.

[III] Án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm :

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Lê Thị Lan O và Trần Quang Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Thị Lan O phải chịu 58.050.000 đồng (năm mươi tám triệu, không trăm năm mươi ngàn) án phí dân sự.

[IV] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần quyền lợi liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần quyền lợi liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- CQCSĐT Công an tỉnh P (PC 03);
- PV 06 Công an tỉnh P;
- THAHS, DS, STP tỉnh P;
- Bị cáo; Bị hại; LQ;
- UBND các xã, phường liên quan;
- Lưu: án văn, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Vũ